



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP

CÔNG TY CUNG ỨNG NHIÊN LIỆU ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ

BẢN TIN THAN NGÀY

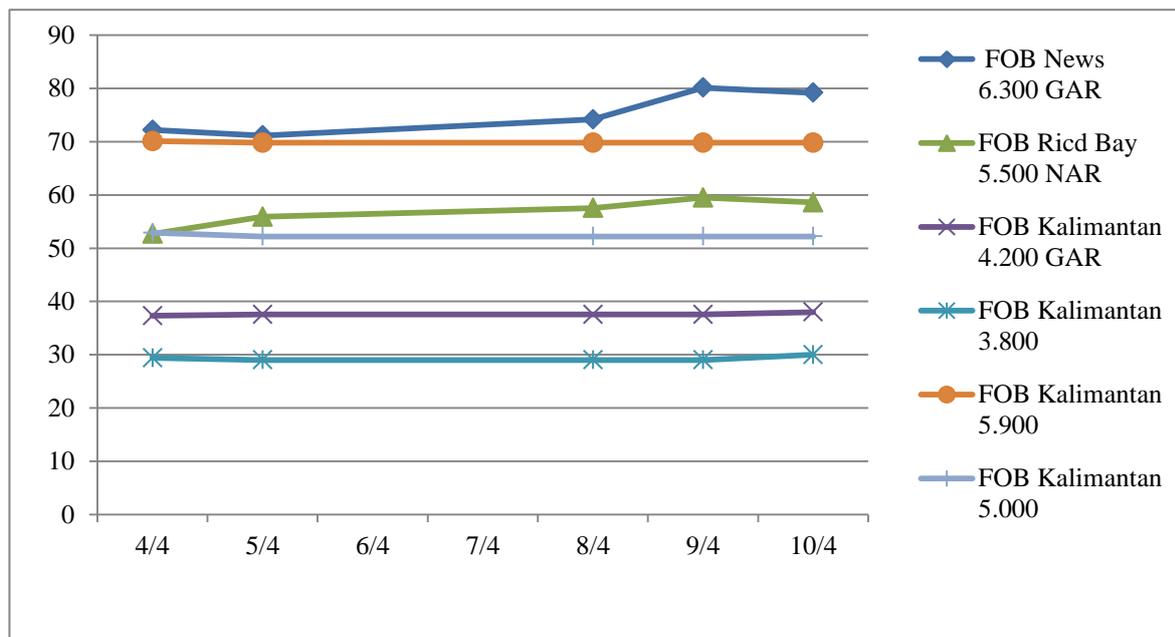
Ngày 2/5/2019

CHỈ SỐ GIÁ THAN TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Chỉ số giá than	Theo chuyên	+/-	Hợp đồng tương lai kỳ hạn 90 ngày	+/-
FOB Newcastle 6.300 GAR	79,20	-0,95	N/A	N/A
FOB Newcastle 6.000 NAR	85,60	N/A	N/A	N/A
FOB Richards Bay 5.500 NAR	58,60	-0,90	N/A	N/A
FOB Kalimantan 5.900 GAR	N/A	N/A	69,80	+0,00
FOB Kalimantan 5.000 GAR	N/A	N/A	52,20	+0,00

Giá tham chiếu than nhiệt Trung Quốc	USD/tấn	+/-	NDT/tấn	+/-
PCC6 (CFR South China 3.800 NAR)	44,50	+0,40	297,76	+2,96
PCC7 (CFR South China 4.700 NAR)	58,75	-0,25	393,11	-1,30
PCC8 (CFR South China 5.500 NAR)	65,00	-0,80	434,93	-4,93

GIÁ THEO CHUYỂN CÁC CHỈ SỐ THAN KHU VỰC NĂM 2019



(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 10/4/2019)

ĐIỂM TIN

Sản lượng than trong tháng 4 của Coal India tăng 1% lên mức 45,29 triệu tấn

Coal India trong báo cáo hôm thứ 4 (1/5) cho biết sản lượng than trong tháng 4 năm 2019 đã tăng 1% so với 44,86 triệu tấn cùng kỳ năm trước lên mức 45,29 triệu tấn. Sản lượng than trong hợp đồng bao tiêu trong tháng 4 đã tăng 2,6% so với 51,02 triệu tấn cùng kỳ năm trước lên mức 52,35 triệu tấn. Sản lượng than khai thác và trong hợp đồng bao tiêu được tổng hợp theo dữ liệu mới nhất. Hai công ty con của Coal India, South Eastern Coalfields và Mahanadi Coalfields, đóng góp chủ yếu cho sản lượng than trong tháng 4 của Coal India với sản lượng lần lượt đạt 11,11 triệu tấn và 11,74 triệu tấn.

(Nguồn: www.economictimes.indiatimes.com)

Lượng than Coal India cung cấp cho ngành điện trong năm tài chính 2019 đạt 488 triệu tấn

Coal India đã cung ứng 488 triệu tấn than cho ngành điện lực trong năm 2018-2019, ghi nhận mức tăng trưởng 7,4% so với cùng kỳ năm trước. Công ty sản xuất than lớn nhất thế giới đã phân phối 454,2 triệu tấn than cho ngành điện trong năm 2017-2018. Trong đó Coal India đã cung ứng 46,1 triệu tấn than cho sản xuất điện trong tháng 3, cao hơn con số 42,7 triệu tấn cùng kỳ năm trước.

Ngoài ra khối lượng than Singareni Collieries (SCL) đã cung cấp cho ngành điện trong năm 2018-2019 đạt 55,4 triệu tấn, cao hơn so với con số 53,5 triệu tấn cùng kỳ năm trước đó. SCCL là công ty khai thác than của chính phủ, sở hữu bởi Centre và Telangana. Lượng than cung cấp trong tháng 3 năm nay không thay đổi nhiều so với 5,3 triệu tấn cùng kỳ năm trước, đạt 5,4 triệu tấn. Bộ trưởng ngành Than, ông Piyush Goyal, cho biết không có NMNĐ nào gặp phải vấn đề thiếu hụt nhiên liệu. Bộ trưởng cũng cho biết, không nhà máy nào phải dừng hoạt động do thiếu nhiên liệu.

(Nguồn: www.asianage.com)

Lượng than Ấn Độ đã vận chuyển trong năm tài chính 2019 đạt 161 triệu tấn, tăng 11% so với năm trước

Lượng than nhiệt và than cốc mà Ấn Độ vận chuyển trong năm 2018 – 2019 đã tăng tương đương 9% và 14,25% so với năm trước đó. Lượng than 12 cảng chính của Ấn Độ đã tiếp nhận trong năm tài chính vừa qua đã tăng 10,81% lên mức 161,34 triệu tấn. Những cảng này, được kiểm soát bởi chính quyền trung ương, đã tiếp nhận 145,59 triệu tấn than trong năm 2017-2018. Khối lượng than nhiệt và than cốc tiếp nhận trong năm 2018-2019 đã tăng 9% và đạt 14,25%. Hiệp hội Cảng Ấn Độ (IPA) cho biết, các cảng chính đã xử lý 103,84 triệu tấn than nhiệt trong năm tài chính vừa qua, cao hơn so với khối lượng 95,26 triệu tấn trong năm trước đó. Báo cáo mới nhất của IPA cho thấy, các cảng chính của nước này đã xử lý 57,50 triệu tấn than cốc trong năm 2018-2019, cao hơn so với 50,33 triệu tấn trong năm trước.

Than nhiệt là nguồn nhiên liệu chính của Ấn Độ khi 70% tổng sản lượng điện là điện than, trong khi than cốc được sử dụng chủ yếu để sản xuất thép. Ấn Độ là nước sản xuất than lớn thứ 3 thế giới sau Trung Quốc và Mỹ, nước này có 299 tỉ tấn tài nguyên than và 123 tỉ tấn trữ lượng đã được chứng minh, có thể khai thác được tới hơn 100 năm.

Nhìn chung, các cảng đã tiếp nhận 699,04 triệu tấn than trong năm 2018-2019, tăng 2,9% so với cùng kỳ năm trước đó. Tốc độ tăng trưởng tại các cảng này (từng tiếp nhận 679,37 triệu tấn than trong năm 2017-2018), được thúc đẩy nhờ công suất xếp dỡ than tăng, sự phát triển của ngành phân bón và vận chuyển bằng container. Trong năm 2017-2018, các cảng đã ghi nhận mức tăng trưởng 4,77% so với cùng kỳ năm trước đó. Các cảng chính bao gồm Deendayal, Mumbai, JNPT, Mormugao, New Mangalore, Cochin, Chennai, Kamarajar, Chidambaranar, Visakhapatnam, Paradip và Kolkata (bao gồm Haldia). Nhu cầu từ các lĩnh vực như than, vận chuyển container, phân bón, dầu, chất phụ gia và bột tron tăng là nguyên nhân thúc đẩy hoạt động vận chuyển phát triển, theo IPA.

(Nguồn: <https://www.businesstoday.in>)

CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ

Cỡ tàu	Điểm xuất phát	Điểm đến	Cước phí	Đơn vị: USD/tấn Thay đổi
Capesize (150.000 tấn)	Australia	Trung Quốc	6,05	+0,10
	Queensland	Nhật Bản	6,65	+0,15
	New South Wales	Hàn Quốc	7,50	+0,15
Panamax (70.000 tấn)	Richards Bay	Tây Ấn Độ	11,90	+0,00
	Kalimantan	Tây Ấn Độ	6,15	-0,10
	Richards Bay	Đông Ấn Độ	11,90	+0,00
	Kalimantan	Đông Ấn Độ	6,15	-0,10
	Australia	Trung Quốc	10,55	+0,00
	Australia	Ấn Độ	11,90	+0,00

(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 10/04/2019)